

Cơ chế tạo hàm ý bằng phương thức vi phạm quy tắc cộng tác hội thoại trong truyện cười dân gian Việt Nam.

The mechanism of creating implications by violating the rules of conversational cooperation in Vietnamese folk jokes

Nguyễn Thúy Diễm*

* Khoa Xã hội Nhân văn và Truyền thông, Trường Đại học Tây Đô
ntdiem@tdu.edu.vn

Ngày nhận bài:
28/7/2023

Ngày chấp nhận đăng:
18/8/2023

Keyword: implication, jokes, pragmatics, rules of conversation.

ABSTRACT

Conversational implicature is one of the important issues of an utterance formed in specific communication situations. It is not suggested by conventional factors (language factors) but by the application of the motto of conversational collaboration and the principles in this motto. Through descriptive, analytic-synthetic and semantic-contextual methods, the mechanism of creating implications by violating the rules of conversational cooperation in Vietnamese folk jokes, specifically by violating the maxim of quality, maxim of quantity, maxim of relation and maxim of manner is explored. The article aims to analyze the meaning of laughter in Vietnamese folk jokes from a pragmatic point of view, thereby realizing the importance of conversational rules in actual communication, especially when the Vietnamese language is more and more developed, and the vocabulary is increasingly rich today.

TÓM TẮT

Hàm ý hội thoại là một trong những vấn đề quan trọng của một phát ngôn được hình thành trong những tình huống giao tiếp cụ thể. Nó không được gợi ra do các yếu tố quy ước (yếu tố ngôn ngữ) mà do cách vận dụng phương châm cộng tác hội thoại và các nguyên tắc trong phương châm này. Bằng phương pháp miêu tả, phân tích – tổng hợp và ngữ nghĩa – ngữ cảnh, chúng tôi tìm hiểu cơ chế tạo hàm ý bằng phương thức vi phạm quy tắc cộng tác hội thoại trong truyện cười dân gian Việt Nam, cụ thể qua cách vi phạm phương châm về chất, phương châm về lượng, phương châm quan hệ và phương châm cách thức. Bài viết nhằm hướng đến việc phân tích ý nghĩa tiếng cười trong truyện cười dân gian Việt Nam dưới góc nhìn dụng học, từ đó thấy được tầm quan trọng của các quy tắc hội thoại trong thực tế giao tiếp, nhất là khi tiếng Việt ngày càng phát triển, vốn từ vựng ngày càng phong phú như hiện nay.

Từ khóa: hàm ý, truyện cười, ngữ dụng học, quy tắc hội thoại.

1. Giới thiệu

Đề cuộc hội thoại được diễn ra bình thường, thậm chí là để đạt được hiệu quả giao tiếp cao nhất, bản thân người tham gia hội thoại phải luôn biết điều chỉnh nghi thức, tiến trình cũng như nội dung hội thoại. Cụ thể đó

là sự tuân thủ các quy tắc về chiếu vật và chỉ xuất, quy tắc lập luận và quy tắc hội thoại. Tuy nhiên trong thực tế, không phải lúc nào các quy tắc này cũng được người tham gia giao tiếp tuân thủ một cách tuyệt đối. Vì nhiều hoàn cảnh và mục đích giao tiếp khác nhau

mà người nói đã lựa chọn cách nói hàm ẩn. Và khi ấy, họ đã vi phạm các quy tắc dụng học nói chung, quy tắc hội thoại nói riêng. Để một cuộc thoại có thể diễn ra bình thường, các bên tham thoại cần tuân thủ bốn phương châm hội thoại sau: phương châm về chất, phương châm về lượng, phương châm về quan hệ và phương châm cách thức.

Nhìn tổng thể, các phương châm hội thoại này đều nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền đạt thông tin có hiệu quả, từ đó đảm bảo cho một cuộc thoại diễn ra như mong muốn. Tuy nhiên, vì nhiều lý do hay mục đích giao tiếp khác nhau mà nhân vật giao tiếp lại không tuân thủ các phương châm hội thoại ấy. Đó là khi người nói muốn tạo ra cách nói hàm ẩn thì họ sẽ cố tình vi phạm một hay một số phương châm nêu trên và xem nó như một chiến thuật giao tiếp. Đỗ Hữu Châu, Cao Xuân Hạo, Nguyễn Thiện Giáp đều có ý kiến tương tự: “*người nói một mặt phải tôn trọng các quy tắc này và giả định rằng người nghe cũng biết và tôn trọng chúng, mặt khác lại cố ý vi phạm chúng và giả định rằng người nghe cũng ý thức được chỗ vi phạm đó của mình*” (Đỗ Hữu Châu, 2001, tr.377). Và chính sự vi phạm này đã trở thành một trong những yếu tố quan trọng tạo nên hàm ý trong truyện cười Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện bài nghiên cứu này, người viết đã dựa trên quá trình tập hợp, khảo sát và lựa chọn tài liệu có liên quan đến đề tài, ghi chép và lựa chọn những mẫu chuyện tiêu biểu trong “*Tiếng cười dân gian Việt Nam*” do Trương Chính - Phong Châu sưu tầm và biên soạn.

Đồng thời, trong quá trình giải quyết vấn đề, người viết có sử dụng một số phương pháp:

Phương pháp miêu tả: Phương pháp này dùng để miêu tả các ngữ liệu, miêu tả cơ chế tạo ra hàm ý khi người nói vi phạm các quy tắc hội thoại.

Phương pháp phân tích – tổng hợp:

Phương pháp này nhằm triển khai, đi sâu và làm sáng tỏ cơ chế tạo ra hàm ý, sau đó tổng hợp lại các kết quả đã phân tích.

Phương pháp phân tích ngữ nghĩa – ngữ dụng: Trong quá trình miêu tả, phân tích ngữ liệu, người viết luôn đặt trong một ngữ cảnh cụ thể, xác định các quy tắc hội thoại nào bị vi phạm và từ đó tìm ra hàm ý.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Hàm ý được tạo ra từ phương thức vi phạm quy tắc về chất

Phương châm về chất đòi hỏi trong giao tiếp, người nói phải nói đúng sự thật và làm sao cho phần đóng góp của mình là đúng. Nghĩa là ta không được nói những điều mà mình tin rằng không đúng hoặc không có bằng chứng xác thực. Tuy nhiên trong thực tế, người ta lại cố tình vi phạm phương châm này nhằm tạo ra một ý nghĩa sâu xa nào đó. Trong truyện cười dân gian, việc vi phạm phương châm về chất chiếm số lượng không nhỏ. Tuy nhiên trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi sẽ phân tích một số truyện cười tiêu biểu nhất để minh chứng cho vấn đề trình bày trên. Trước tiên, ta hãy xét mẫu chuyện cười sau:

Vắt chày ra nước

Một hôm, chủ nhà bảo đầy tớ về quê có việc, người đầy tớ xin mấy đồng tiền để uống nước dọc đường.

Chủ nhà ngắm nghĩ một lúc rồi nói:

- Thằng này đến là ngốc, hai bên đường thiếu gì ruộng ao, có khát thì xuống đấy, tha hồ mà uống, tìm vào quán làm gì cho phiền phức?

- Thưa ông, độ này trời hạn, cạn khô cả.

- Thế thì tao cho mượn cái này!

Nói rồi, hắn đưa cho người đầy tớ cái khổ tải. Người này chưa hiểu ý ra sao, thì chủ nhà đã bảo:

- Vận vào người khi khát, vắt ra mà uống.

Người đầy tớ liền nói:

- Trời này vận khổ tải, ngót lắm. Hay là

ông cho tôi mượn cái chày giã cua vậy!

- Để mày làm gì?

- Dạ, vắt cổ chày cũng ra nước! (Trương Chính – Phong Châu, 2004, tr.96)

Ngụ ý của ông chủ trong truyện trên là dù cho người hầu của mình có khát đến đâu cũng mặc kệ, chứ nhất quyết không bỏ ra một đồng để mua nước. Lão đã vi phạm phương châm về chất, vì đề nghị anh đầy tớ lấy cái “khố tải” để vắt nước ra uống – một việc làm mà chẳng ai làm trong cuộc sống hàng ngày. Để đáp trả lại câu nói vô lý kia, anh ta cũng cố tình tạo ra câu nói thật vô lý, cũng cố tình vi phạm phương châm này, để xứng đáng là “kẻ tám lạng, người nửa cân”. Cả hai người đều biết, chày là vật làm bằng gỗ, dùng để giã gạo, bột, thuốc, tiêu, ớt... nên không thể vắt nước. Thế nhưng anh lại xin ông chủ cho mình mượn cái chày giã cua để vắt ra nước, vì nếu “khố tải” mà vắt ra nước để uống được thì “cái chày” cũng có thể. Anh đầy tớ quả thật rất thông minh và nhanh trí, trước thái độ của chủ, anh ta lại cố ý lấy sự vi phạm phương châm về chất để đáp trả lại sự vi phạm phương châm về chất, nhằm thực hiện ẩn ý là phê phán, chỉ trích thói keo kiệt, bủn xỉn của ông chủ. Ngoài ra, truyện còn mang một hàm ý sâu sắc hơn: đối với bọn chủ nhà có nhiều tiền và đầy quyền lực, luôn tìm hết cách bóc lột những người ở làm công cho chúng. Của cải làm ra, chúng lấy cả mà lại không bao giờ bỏ ra cho người ở, dù chỉ là một đồng tiền kêm để mua nước. Hàm ý trong truyện còn nhằm mục đích khen ngợi trí óc của người lao động nghèo, dù không dám phê phán một cách trực tiếp nhưng lại mạnh dạn dùng trí để đối lại, trả đũa họ một cách sâu cay.

Phần lớn trong truyện cười, dân gian đã sử dụng lối nói phóng đại làm biện pháp gây cười là chủ yếu. Nếu xét về góc nhìn hội thoại, lối nói phóng đại rất khó thuyết phục người nghe do dùng nhiều lời nói không có bằng chứng cụ thể và mang tính xác thực. Người phát ngôn thường nói quá hơn so với bản chất thật của sự vật, sự việc để làm bật lên tiếng

cười và tạo ra hàm ý. Lúc này họ đã vi phạm phương châm về chất. Mẫu chuyện cười sau là một ví dụ:

Nói khoác gặp nhau

Có một anh đi làm ăn xa, lâu ngày về làng, bà con đến thăm, hỏi anh ta đi xa thế hẳn biết nhiều chuyện lạ, xin kể cho nghe. Anh nọ được dịp nói khoác:

- Tôi thấy nhiều cái lạ lắm, nhưng lạ nhất là thấy có một chiếc thuyền dài không lấy gì mà đo cho xiết. Có người thuở hai mươi tuổi đứng ở đàng mũi bắt đầu đi ra đàng lái, đi đến giữa cột buồm thì đã già, râu tóc bạc phơ, cứ thế đi, đến chết vẫn chưa tới lái.

Trong làng cũng có một anh nói khoác nổi tiếng, nghe vậy liền kể ngay một câu chuyện:

- Như thế lấy gì làm lạ! Tôi từng đi thấy một cây cao ghê gớm. Có một con chim đậu trên cành cây ấy, đánh rơi một hạt đa. Hạt đa rơi xuống lưng chừng gặp mưa, gặp bụi rồi nảy mầm, đâm rễ thành cây đa. Cây đa lớn lên, sinh hoa, kết quả, lại nảy ra hàng đàn cây đa cháu. Cứ thế mãi cho đến khi rơi tới đất thì đã bày đời tất cả.

Anh đi xa về nghe thế, gân cổ lên cãi:

- Làm gì có cây đa cao thế! Chả ai tin được.

Anh kia cười ranh mãnh:

- Ấy không có cây như thế thì lấy đâu ra gỗ mà đóng chiếc thuyền của anh (Trương Chính – Phong Châu, 2004, tr.164).

Lời đối đáp giữa hai nhân vật trong câu chuyện trên đã mang đến tiếng cười sảng khoái cho người tiếp nhận. Đúng là “vỏ quýt dày có móng tay nhọn”, cứ tưởng mình hay nhưng người khác còn hay và thông minh hơn gấp bội lần. Cả hai đều nói những điều không có bằng chứng xác thực. Ở đây phương châm về chất đã không được tuân thủ. Thế nhưng ở mỗi người, việc cố tình vi phạm phương châm này lại được dùng để phục vụ vào những mục đích khác nhau, nhằm tạo ra hàm ý riêng. Đối với anh chàng đầu tiên, thừa biết chuyện

mình kể là không đúng sự thật nhưng anh lại cố tình phóng đại hơn để thỏa mãn bản tính thích nói khoác của mình, để khoe khoang và tạo sự hứng thú cho mọi người, bởi làm gì có chiếc thuyền dài như thế! Đặc biệt hơn, việc nói khoác của chàng trai thứ hai là nhằm “trả đũa” và “lật tẩy” lối nói vô lý của anh kia. Nếu như nói ra điều không xác thực là phương thức tạo ra hàm ý trong câu chuyện trên thì câu nói “*Làm gì có cây đa cao thế! Chả ai tin được*” là điều kiện và câu “*không có cây như thế thì lấy đâu ra gỗ mà đóng chiếc thuyền của anh*” chính là lời giải mã cho hàm ý ấy. Qua câu chuyện trên, tác giả cũng muốn phê phán những kẻ khoác lác trong cuộc sống và nhằm khẳng định: nói khoác là một hành động có tác dụng tiêu cực.

Ngoài ra, trong hội thoại, sự vi phạm phương châm về chất còn được thể hiện qua việc những người tham gia hội thoại nói những điều vô lý và trái với lẽ tự nhiên.

Ví dụ: ***Thế có ghê không***

Hai anh nọ ngồi nói chuyện với nhau. Một anh nói:

- Đồi tớ gặp rất nhiều chuyện nguy hiểm. Một lần tớ vào rừng, gặp một con hổ dữ. Tớ tay không đánh nhau với nó nửa ngày trời. Như rồi cuối cùng, tớ bị nó xé ra từng mảnh. Thế có ghê không?

Anh kia nói:

- Chưa ghê bằng chuyện tớ! Một lần, tớ gặp một con trăn. Nó cắn lấy hai chân tớ nuốt gần hết. Tớ giang thẳng hai cánh tay ra ngang miệng nó lại. Đến phút cuối cùng, vừa đau vừa mỏi, tớ đành buông xuôi cho nó nuốt vào bụng, bấy giờ tớ mới gọi người làng ra cứu! (Trương Chính – Phong Châu, 2004, tr.168)

Câu chuyện mà hai anh chàng này kể nghe cũng thật hấp dẫn, thật vui tai và đã làm bật lên tiếng cười giải trí cho người đọc. Để tỏ ra mình là người dũng cảm và gan dạ, tay không mà dám đánh nhau với cả hổ, người đàn ông thứ nhất đã nói ra một điều thật vô lý. Bởi nếu đúng như lời anh nói – bị hổ xé ra từng mảnh vậy thì làm sao anh lại có thể

ngồi đây mà nói chuyện được. Với cách nói như vậy, anh ta đã vi phạm phương châm về chất. Người thứ hai cũng không thua kém, vì muốn khoe tài năng và sức mạnh của mình trước con trăn khổng lồ kia, anh ta cũng đã bịa ra tình huống hết sức vô lý, làm gì có chuyện trăn chiến đấu với người như thế và nếu đúng là có chuyện ấy xảy ra thì bị nuốt vào bụng rồi làm gì mà có thể kêu dân làng đến cứu được! Thật giỏi bịa chuyện. Giống như bạn của anh, chàng trai này cũng đã vi phạm phương châm hội thoại mà cụ thể là phương châm về chất. Nhưng sự vi phạm này dĩ nhiên không phải là vô ý mà đó chính là ẩn ý của người nói muốn thể hiện mình, muốn khẳng định mình trước người khác, tuy nhiên tất cả chỉ qua lời nói suông.

Không tuân thủ phương châm về chất là một phương thức quan trọng trong việc xây dựng hàm ý truyện cười, thường gặp nhất là ở truyện cười dân gian. Tuy nhiên, trong lĩnh vực hội thoại nói chung, muốn đạt được hiệu quả cao trong hoạt động giao tiếp thì người tham gia nên tránh những cách diễn đạt nêu trên. Nếu chúng ta cứ nói điều vô lý, nói sai với lẽ thường hoặc nói phóng đại sự việc mà ngay bản thân ta cũng cho rằng không đúng,... thì chúng ta sẽ vô tình biến lời nói của mình thành trò cười cho thiên hạ mà thôi!

3.2. Hàm ý được tạo ra từ phương thức vi phạm phương châm về lượng

Yêu cầu phương châm về lượng là hãy làm cho phần đóng góp của mình có lượng tin đúng như đòi hỏi của đích đang diễn ra trong từng phần của cuộc hội thoại. Nội dung của phương châm về lượng khi thực hiện trong giao tiếp là cần nói có nội dung đủ, không thừa, không thiếu.

Trong giao tiếp, nói vòng vo là cách thức thể hiện những ý định nói bằng những điều khác thông qua sự chủ động dẫn dắt của người nói. Nói vòng vo để tạo hàm ý nghĩa là: người nói cố tình không nói thẳng vào vấn đề mà thông qua việc nói điều này muốn người nghe tiếp nhận một điều khác. Như vậy, mọi

sự thừa thãi về thông tin được tạo ra một cách có chủ ý sẽ phục vụ cho một lí do nào đó của người tham gia hội thoại. Và khi đó, hàm ý hội thoại được bật mở. Phương thức này cũng chính là cách nói thừa thông tin để tạo ra hàm ý trong truyện cười.

Ví dụ (1): **Khoe của**

Có anh tính hay khoe của. Một hôm, may được cái áo mới, liền đem ra mặc, rồi đứng hóng ở cửa, đợi có ai đi qua người ta khen. Đứng mãi từ sáng đến chiều chả thấy ai hỏi cả, anh ta tức lắm.

Đang tức tối, chợt thấy một anh, tính cũng hay khoe, tất tưởi chạy đến hỏi to:

- Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?

Anh kia liền giơ ngay vạt áo ra, bảo:

- Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả!

(Trương Chính – Phong Châu, 2004, tr.189)

Theo nguyên tắc cộng tác hội thoại, cả hai lượt thoại trên đều có chỗ bất thường, câu hỏi và câu trả lời đều cố ý không gắn với quy tắc – nói nhiều hơn lời cần nói. Tuy nhiên, nhờ sự dư thừa thông tin này mà ta mới phát hiện ra tiếng cười đầy ẩn ý phía sau. Vậy, cách nói như thế có hàm ý gì? Với ý muốn khoe khoang, người nói luôn muốn người khác biết cái mình có để mong nhận được lời khen, sự khâm phục về quyền lực, tiền tài, của cải,... Họ chỉ muốn trưng bày tất cả mọi thứ mình có được cho thiên hạ biết. Qua câu chuyện trên, ta thấy cả anh mất lợn và anh có áo mới đều có đức tính này - thích khoe của. Theo lẽ thường, khi mất một vật nào đó, với tâm trạng rối bời, hoảng hốt, chúng ta chỉ cần hỏi sao cho thật ngắn gọn: “*Bác có thấy con lợn tôi chạy qua đây không?*” hoặc chỉ cần hỏi về kích cỡ, màu sắc,... của con lợn để có thể nhanh chóng tìm gặp vật đã mất. Thế nhưng mọi trạng thái kia cũng không đủ sức để che giấu bản tính vốn có của người thích khoe khoang. Dù biết từ “*cưới*” ở đây sẽ là thừa nhưng anh vẫn cố tình nói vì có lẽ, đây là hoàn cảnh thích hợp nhất

để anh thực hiện hàm ý: được khoe về cái đám cưới của mình. Về phần người trả lời, anh cũng vi phạm phương châm về lượng trong hội thoại. Trong tình huống ấy, đáng lẽ anh chỉ nói “*không*” hoặc “*Tôi không thấy con lợn nào chạy qua đây cả!*”. Nhưng vì cũng sốt ruột muốn khoe áo “*mới*” nên anh không ngần ngại nói thêm “*từ lúc tôi mặc cái áo mới này...*”. Xét về góc nhìn hội thoại, “*có thể nói anh thứ hai đã vi phạm phương châm về lượng nhiều hơn so với anh thứ nhất. Bởi nếu anh hỏi chỉ thừa một từ “cưới” thì anh trả lời lại thừa cả một vế câu. Trong cuộc giao tiếp này, cả hai người đều chủ động tạo ra hàm ý bằng việc cố ý nói thừa thông tin. Xuất phát từ cùng một lí do sử dụng hàm ý, cùng một cách thức tạo ra hàm ý và cùng nội dung hàm ý, cho nên các nhân vật tham gia giao tiếp sớm nhận ra và giải đoán được hàm ý của nhau. Cũng vì thế, hàm ý trong truyện cười trên được sử dụng rất thành công.*” (Nguyễn Hoàng Yến, 2006).

Trong một cuộc thoại, một phát ngôn chỉ thật sự có giá trị khi nó mang lại cho người nghe những thông tin mới mẻ. Khi giao tiếp, cần tránh nói những điều mà người nghe đã biết rồi.

Ví dụ (2): **Ăn nói có đầu có đuôi**

Một lão nhà giàu có anh đầy tớ tính rất bộp chộp, thấy gì nói ấy, gặp đầu nói đó, chẳng có đầu đuôi gì cả. Lão mới gọi anh ta bảo:

- Mà ăn nói chẳng có đầu có đuôi gì cả, người ta cười cả tao lẫn mày. Từ rày nói cái gì thì phải nói cho có đầu có đuôi nghe không?

Anh đầy tớ vâng vâng dạ dạ.

Một hôm lão mặc quần áo sắp sửa đi chơi, đang ngồi hút thuốc thì thấy anh đầy tớ đứng chấp tay trình trọng nói:

- Thưa ông, con tầm nó nhả tơ, người ta mang tơ bán cho người Tàu, người Tàu đem dệt thành tơ rồi bán sang ta. Ông đi mua the về may thành áo. Hôm nay ông mặc áo, ông hút thuốc. Tàn thuốc nó rơi vào áo ông, và áo ông đang cháy.

Lão giết mình nhìn xuống thì áo đã cháy to bằng bàn tay rồi. (Trương Chính – Phong Châu, 2004, tr.88).

Anh đây tớ đã trình bày sự việc một cách quá cụ thể, cụ thể đến mức trở thành dư thừa trong tình huống này. Bởi vì điều anh nói với ông chủ: “*con tìm nó nhả tơ, người ta mang tơ bán cho người Tàu, người Tàu đem dệt thành tơ rồi bán sang ta. Ông đi mua the về may thành áo. Hôm nay ông mặc áo, ông hút thuốc.*” thì ông đã thừa biết, không cần phải nói. Những thông tin mà anh cung cấp không có gì là mới mẻ đối với lão chủ nhà, vì thế nó không có giá trị. Lẽ ra, trong một tình huống khẩn cấp như thế, anh chỉ cần nói: “Cháy” hoặc là “*Thưa ông, áo ông đang cháy*” là được. Nhưng vấn đề không phải do anh đây tớ này không ý thức được lời nói của mình, mà là anh đang giả vờ tuân thủ mệnh lệnh của ông chủ: nói có đầu có đuôi. Cho nên, sự tuân thủ phương châm về lượng này là hoàn toàn có chủ ý, nhằm thực hiện mục đích trả đũa và tạo nên hàm ý châm biếm lối sống giả tạo của ông chủ. Lão luôn muốn tỏ ra với người ngoài rằng mình là một người có nề nếp, đến đây tớ trong nhà cũng được dạy dỗ, đưa vào khuôn phép. Và vô tình, lão lại trở thành nạn nhân của chính mình. Nếu xét về hiệu quả giao tiếp thì cách diễn đạt như thế là thất bại, vì thông tin mà anh truyền đạt là quá chậm, nhưng sự thất bại ấy lại chính là phương thức tạo nên ý nghĩa hàm ẩn và làm nên tiếng cười, làm nên giá trị cho câu chuyện.

Trong quá trình giao tiếp, nếu như việc cung cấp thông tin thừa là nhằm phục vụ cho việc tạo ra hàm ý thì cung cấp thiếu thông tin cũng nhằm mục đích tương tự.

Ví dụ (3): **Văn hay**

Một thầy đồ đang ngồi cặm cụi viết bài. Bà vợ đến bên cạnh, nói:

- Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không?

Văn nhân lấy làm đắc chí, cho là vợ khen tài văn chương của mình, ý tứ dồi dào, giấy khổ nhỏ không đủ chép. Nhưng cũng hỏi

lại:

- Minh nói vậy là thế nào?

Bà vợ thông thả nói:

- Ông chẳng tính toán gì cả! Giấy khổ to bỏ đi còn gói hàng chứ giấy khổ nhỏ thì làm gì được. (Trương Chính – Phong Châu, 2004, tr.122).

Theo quy tắc hội thoại, phương châm về lượng yêu cầu người ta phải nói đầy đủ sự thật, cung cấp đầy đủ thông tin và không được bỏ qua những chi tiết quan trọng. Người vợ trong truyện cười trên đã vi phạm quy tắc này – không trình bày rõ ràng ý nghĩ của mình để người chồng phải tiến hành thao tác suy luận và dẫn đến một sự nhầm lẫn, chồng không hiểu đúng với nội dung cần truyền đạt của vợ.

Khi mới đưa ra phát ngôn “*Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không?*”, thầy đồ không hiểu ngụ ý của vợ, hàm ý không được khai thác. Sau câu hỏi thắc mắc của chồng, bà vợ đành phải trình bày một cách đầy đủ, rõ ràng ẩn ý của mình: “*Ông chẳng tính toán gì cả! Giấy khổ to bỏ đi còn gói hàng chứ giấy khổ nhỏ thì làm gì được*”, lúc này hàm ý đã được thể hiện. Câu nói của bà tạo một sự bất ngờ rất lớn, nó nằm ngoài ước đoán của ông. Với câu nói lập lũng kia, ông cứ ngỡ là bà sẽ khen ngợi tài văn chương của mình, nhưng thật ra đó là lời chê khéo. Chúng ta đều nhận ra hàm ý thâm thúy phát từ câu nói ấy: “*Lối viết văn của ông rất dở, nên sớm muộn gì cũng phải bỏ tờ giấy ấy mà thôi, vậy thì nên chọn giấy lớn hơn và tận dụng để mà gói hàng*”. Để giữ thể diện cho chồng, bà vợ đã không chê, không nói thẳng ra là ông không có khả năng viết văn hoặc là viết văn tệ. Bà vợ thật khéo léo, không nói trực tiếp mà thông qua cách nói đầy ẩn ý, đã chê chồng một cách gián tiếp, không nói ra bằng nghĩa tường minh mà lại dùng ý nghĩa hàm ẩn. Thật ra bà đã chủ động dùng hàm ý ngay từ đầu, nếu thông minh, tinh ý có lẽ thầy đồ sẽ sớm nhận ra ẩn ý mà vợ nghĩ. Đằng này ông không hiểu và hỏi lại. Đây là một sự ngạo bán thầy đồ - “*một mô típ khá quen thuộc trong truyện cười Việt Nam: Thầy*

đồ thường thua kém cả vợ của mình về trí tuệ!
” (Nguyễn Hoàng Yến, 2007)

Như vậy, từ việc vi phạm phương châm trên, hàm ý hội thoại được hình thành và tiếng cười phê phán đã được bật ra một cách tự nhiên. Đó cũng chính là sự thành công của việc sử dụng hàm ý trong truyện cười dân gian Việt Nam.

3.3. Hàm ý được tạo ra từ phương thức vi phạm phương châm quan hệ

Là một phương châm quan trọng của hội thoại, phương châm về quan hệ đòi hỏi người tham gia giao tiếp phải nói vào đề, nói cho đúng chỗ, nhất là khi trả lời các câu hỏi: “*Hãy làm cho phần đóng góp của anh đáp ứng đòi hỏi ở giai đoạn (của cuộc thoại) mà nó xuất hiện phù hợp với đích hay phương hướng của cuộc thoại mà anh chị đã chấp nhận tham gia vào.*” (Nguyễn Thiện Giáp, 2004, tr.128). Khi người khác hỏi về vấn đề này thì ta phải trả lời vào đúng vấn đề ấy hoặc ít ra cũng đề cập đến một việc xoay quanh vấn đề đã đặt ra. Có thể, cuộc hội thoại mới diễn ra thuận lợi.

Đối với một số trường hợp khác xảy ra trong giao tiếp, khi những người tham gia giao tiếp nói những câu nói có nội dung chệch so với đề tài, nói những điều không liên quan, dính líu đến câu chuyện thì việc tuân thủ phương châm về quan hệ đã không được thực hiện. Khi ấy hàm ý được nảy sinh. Tìm hiểu một số truyện cười dân gian, ta thấy không ít tác giả đã sáng tác nên những câu chuyện mà tiếng cười được khai thác từ những sự vi phạm phương châm về quan hệ như vừa nêu.

Ví dụ (1): *Còn gì bằng*

Có một anh chàng ngốc đến nỗi tí gì cũng không biết, đi đâu vợ cũng phải dạy trước dạy sau, cả từ cách ăn đến cách nói. Vì vậy, người làng gọi anh ta là Ngốc và lâu dần quên hẳn tên thật của anh ta.

Một hôm, Ngốc ra tỉnh thăm người bà con. Vợ gọi lại dặn:

- Ra đến nơi người ta có hỏi: “Anh Ngốc ra chơi đó phải không?” thì bảo “Vâng, chính tôi là Ngốc đây ạ!”. Người ta hỏi: “Anh đi với

ai?” thì bảo “Có một mình thôi ạ!”. Nếu có hỏi: “Anh hãy ở chơi đêm ba hôm” thì đáp: “Tôi ở nhà chỉ mong như thế, nay được thỏa lòng ao ước, thật còn gì bằng!”.

Ngốc ra đi, nhắm mắt mấy lời vợ dặn, sợ nhớ quên lời nào thì người ta chê cười chết.

Ra đến chợ, thấy một đám đông, anh ta len vào xem. Thì ra đó là một vụ giết người, kẻ bất hạnh nằm đấy mà hung thủ đã tẩu thoát mất rồi.

Khi nhà chức trách đến làm biên bản, mọi người vội tránh xa, sợ vạ lây, chỉ một mình Ngốc sấn vào xem. Quan giữ lấy hỏi:

- Anh có biết ai giết không?

Sợ nhớ đến lời vợ dặn, Ngốc nói luôn:

- Vâng, chính tôi là Ngốc đây ạ!

- Một mình anh hay có ai nữa không?

Ngốc lại bình tĩnh nói:

- Có một mình tôi thôi ạ!

Quan nghe nói bèn quát lính:

- Trói cổ thằng này, giải đi.

Ngốc nghĩ nên nói nốt câu thứ ba cho đủ lời vợ dặn, liền tiếp:

- Tôi ở nhà chỉ mong như thế, nay được thỏa lòng ao ước, thật còn gì bằng!

(Trương Chính - Phong Châu, 2004, tr.175)

Thoạt nghe câu trả lời của anh Ngốc, chúng ta cứ ngỡ anh là một người ăn nói trôi chảy, lưu loát bởi quan hỏi tới đâu thì anh liền trả lời đến đó, không sót một câu nào. Tuy nhiên, quan sát lại phần đầu của truyện, ta thấy sở dĩ anh ta lại nói một cách thành thạo như thế chỉ vì đã quá “thuộc” những lời vợ dặn. Cho nên anh đã phát ra những câu nói không dính líu gì đến câu chuyện, giống như ông bà ta thường nói “ông nói gà, bà nói vịt”. Tưởng chừng đơn giản nhưng đôi khi nói nhảm như vậy sẽ tạo ra những đoạn đối thoại khôi hài, thậm chí dẫn đến những hậu quả khôn lường. Và anh chàng Ngốc trong truyện cười vừa nêu là một minh chứng.

Xét về quy tắc hội thoại, nhân vật chàng

Ngốc đã vi phạm phương châm quan hệ trong giao tiếp. Bản thân anh cũng không thể nhận ra điều đó nên mới tự mình chuốc họa vào thân. Thế nhưng nét độc đáo của câu chuyện không nằm ở đó, tác giả dân gian lại rất thâm thúy và sâu sắc khi muốn phê phán hay châm biếm một ai, một bộ phận con người hay một thể lực xấu xa nào đó trong xã hội, trong truyện này họ đã mượn hình tượng chàng Ngốc để thực hiện ngụ ý của mình. Ngoài mục đích tạo nên tiếng cười mua vui từ sự ngốc nghếch, ngây ngô của anh Ngốc, truyện còn nhằm châm biếm những người giáo điều, chỉ biết dựa vào một số công thức đơn giản, hoặc một số nguyên tắc cứng nhắc, học thuộc lòng và giải quyết vấn đề vô cùng phức tạp trong cuộc sống. Khi ấy, họ chẳng khác gì chàng Ngốc trong truyện. Cũng chính điều này đã làm nên giá trị đích thực của truyện “Còn gì bằng” nói riêng, truyện cười dân gian nói chung.

Trong giao tiếp, để truyền đạt ý nghĩ của mình một cách gián tiếp, đôi khi nhân vật giao tiếp phải cố tình nghĩ ra một câu hỏi hay một câu nói nằm ngoài đề tài mà cuộc hội thoại đang diễn tiến. Và để hiểu được hàm ý của người nói thì người tiếp nhận phải đặt thêm một câu hỏi phụ khác, lúc này hàm ý hội thoại mới được giải mã. Mô típ như thế này rất phổ biến trong truyện cười Việt Nam.

Ví dụ (2): ***Uống rượu bằng chén con mà chết hóc***

Có một anh hễ nhà có giỗ thì đem chén hạt mít ra mời khách uống rượu. Khách đang ngồi uống bỗng một anh ôm mặt khóc. Chủ nhà ngạc nhiên hỏi sao đang vui lại khóc. Ông khách gạt nước mắt, nói:

- Tôi uống rượu, nhìn thấy cái chén này sực nhớ đến người anh em bạn thân của tôi ngày trước, cũng vì uống rượu bằng chén hạt mít mà chết oan!

- Sao lại thế?

- Tại chén nhỏ quá, anh ta vô ý nuốt cả chén, cho nên chết hóc.

Chủ nhà hiểu ý, vội lấy chén to ra thay chén hạt mít. (Trương Chính - Phong Châu,

2004, tr.217).

Người khách đã rất sáng tạo và nhanh trí khi lại nghĩ ra một câu chuyện chứa đầy ẩn ý. Thay vì nói rằng: “*Anh hãy đem ra cho tôi cái chén lớn hơn*”, hay “*Anh có thể cho tôi cái chén khác được chứ? Chén hạt mít này nhỏ quá!*”. Nếu chỉ nói thẳng ra như thế thì làm sao thấy được tài ứng biến khôn ngoan của người khách, làm sao thấy được cái hay của tiếng Việt. Xét trong hoàn cảnh này, cách nói tránh của người khách cũng như việc nhắc lại câu chuyện đau lòng kia mang ý nghĩa sâu sắc. Đối với người nghe chúng ta, mà trước hết là ông chủ nhà đều thừa biết, câu chuyện mà anh ta kể về cái chết của anh bạn là không có thật, bởi làm gì có ai lại nuốt cái chén đến chết hóc. Có chăng cái chén hạt mít mà người chủ nhà đem ra tiếp đãi quá nhỏ, không đủ để chứa rượu cho khách dùng. Ở lượt lời đầu tiên của vị khách vốn đã chứa đựng hàm ý, cho nên anh đã cố tình nói sang chuyện khác và cài người chủ vào cái bẫy để ngụ ý của anh được thể hiện. Đến lượt lời thứ hai thì hàm ý của ông khách đã được bật mở. Có thể nói, qua sự cộng tác hội thoại và sự vi phạm phương châm quan hệ, hàm ý này đã được sử dụng rất thành công. Người nói cố tình tạo ra hàm ý, người nghe cố gắng nhận biết hàm ý ấy và cuối cùng đã xử lý tình huống bằng cách đem ra cái chén to hơn.

Như chúng ta đã biết, mục đích của truyện cười là nhằm phê phán và chế giễu những thói hư tật xấu, những đức tính không tốt của con người trong xã hội. Vì thế, qua truyện “*Uống rượu bằng chén con mà chết hóc*” kể trên, bên cạnh việc ngầm phê phán đức tính keo kiệt, bủn xỉn của tên chủ nhà, tác giả dân gian cũng muốn phê bình lối sống của một lớp người trong cuộc sống, dù họ có đầy đủ vật chất nhưng lúc nào cũng tính toán, tiếc rẻ từng li từng tí với bạn bè, người thân của mình. Mặc dù anh khách đã nói tránh nhưng chính cách nói thâm thúy ấy thì tên chủ nhà có lẽ cũng bị một phen bẽ mặt và với những người có đức tính như vậy trong cuộc sống có lẽ cũng sẽ rút ra cho mình một bài học, một

kinh nghiệm quý báu. Giá trị của câu chuyện cười trên là ở đó.

Trong giao tiếp, có nhiều trường hợp vì một lý do nào đó mà người nói lại cố tình nói lảng đi, nói tránh ra để nhanh chóng kết thúc cuộc trò chuyện. Những cuộc thoại như vậy cũng đã vi phạm phương châm quan hệ. Và câu chuyện về anh chàng sợ vợ sau là một minh chứng.

Ví dụ (3): **Tôi mừng quá!**

Một anh háu ăn, nhưng sợ vợ. Được một hôm vợ đi chợ vắng, anh ta liền lấy khoai ra, lùi vào bếp, khoai gần chín thì vợ về. Thấy vợ vào đến cửa bếp, anh ta hốt hoảng, giắt củ khoai vào cặp quần. Khoai nóng quá, anh ta đứng không yên, cứ phải thót bụng lại, nghiêng bên này bên kia, nhảy lên nhảy xuống cho đỡ nóng.

Chị vợ thấy bộ điệu tức cười, liền hỏi:

- Làm gì mà nhảy cồm lên như vậy?

Anh chồng cười nhả nhỏ:

- Thấy mình về, tôi mừng quá! (Trương Chính – Phong Châu, 2004, tr.224)

Quan sát diễn biến câu chuyện, ta dễ dàng nhận ra hàm ý của người chồng nảy sinh từ câu nói: “Thấy mình về, tôi mừng quá!”. Lẽ ra, khi vợ hỏi “Làm gì mà nhảy cồm lên như vậy?”, nếu trả lời đúng ngữ cảnh thì anh phải nói “Vi tôi đang ăn vụng khoai, vợ về vội giắt khoai vào cặp quần, nóng quá nên tôi mới nhảy lên như thế”. Nhưng làm sao anh có thể trả lời như vậy được, vì anh vốn sợ vợ và anh cũng đang thực hiện một hành vi không đúng: ăn vụng khi vợ vắng mặt. Nếu dám trả lời thật thì đâu phải là người sợ vợ! Khi đưa ra phát ngôn, một mặt người chồng có ý muốn né tránh, che giấu sự thật, mặt khác anh lại muốn dùng tài xử sự khôn khéo của mình để “được lòng vợ”. Tuy nhiên, qua cái nhìn của dân gian thì anh là một kẻ hèn nhát, dám làm nhưng lại không dám nhận trách nhiệm về mình, luôn muốn dùng lời nói giả dối để che giấu sự thật.

Tóm lại, từ việc phân tích các truyện cười trên đây, người viết nhận thấy rằng: Nếu

xét về quy tắc hội thoại trong giao tiếp hàng ngày, việc nói chệch với đề tài, nói sai ngữ cảnh giao tiếp, hay “ông nói gà, bà nói vịt”,... sẽ dẫn đến sự vi phạm phương châm quan hệ. Nhưng nếu xét trong hệ thống truyện cười, việc vi phạm phương châm hội thoại kia lại là một cách thức quan trọng để hình thành hàm ý, để tạo nên tiếng cười đầy ý nghĩa trong thể loại văn học dân gian này.

3.4. Hàm ý được tạo ra từ phương thức vi phạm phương châm cách thức

Theo quy tắc hội thoại, phương châm này yêu cầu người tham gia giao tiếp “hãy nói ngắn gọn” và “hãy nói rõ ràng”. Tuy nhiên, có thể nói rằng, phương châm hội thoại không có tính bắt buộc như những quy tắc ngữ pháp, đó không phải là những quy định mà mọi người nhất thiết phải tuân theo trong bất kì tình huống giao tiếp nào. Nhiều trường hợp để đạt được hiệu quả giao tiếp, người nói phải cố tình nói ra lời mập mờ, lấp lửng, có thể hiểu theo nhiều nghĩa. Và cách nói như thế thường đạt hiệu quả rất cao trong truyện cười. Nguyễn Đức Dân cho rằng: “Trong cuộc sống văn học, mỗi khi muốn gây cười, chúng ta cần tạo ra những tình huống mơ hồ để người nghe, người đọc hiểu một đằng, hiểu theo cái nghĩa thông thường của tình huống, nhưng bất ngờ tác giả lại đưa ra một cách hiểu hoàn toàn ngược lại, đảo lộn mọi dự đoán. Tưởng rằng khen lại hóa ra chê; đoán rằng tốt lại hóa thành xấu; tưởng chân thành, khiêm tốn lại hóa ra khách sáo, kiêu căng; ngỡ ăn uống từ tốn lại hóa thành tham lam, vô độ. Những tình huống mâu thuẫn ấy sẽ tạo ra tiếng cười.” (Nguyễn Đức Dân, 2003, tr.186).

Ví dụ (1): **Tiếng đàn bầu**

Có anh đánh đàn bầu rất dở, nhưng lại cứ tưởng mình đàn hay. Một hôm, anh ta mang đàn ra gảy, thấy bên hàng xóm có một chị góa chồng còn trẻ cứ thút thít khóc. Anh ta nghĩ bụng: “Không biết có phải tiếng đàn của mình làm chị ta xúc động hay không?”. Anh ta thử thôi không gảy xem sao. Quả nhiên, chị ta không khóc nữa. Thế rồi anh ta nghiệm rằng:

cứ mỗi lần anh ta đàn thì chị kia lại khóc. Anh ta càng đàn chị kia càng khóc tợn. Lòng anh ta khấp khởi mừng thầm: “Thôi đúng chị ta mê tiếng đàn của mình rồi!”. Từ đấy, cứ đêm khuya thanh vắng, anh ta đem đàn ra gảy hòng quyến rũ chị kia. Cho đến một hôm, anh ta chắc mẩm là “cá đã cắn câu”, bèn sang lân la gợi chuyện:

- Chẳng hay chị buồn phiền gì mà cứ mỗi lần tôi gảy đàn, chị lại khóc như vậy. Nếu tiếng đàn của tôi làm cho chị phiền lòng thì từ nay tôi không dám gảy nữa.

Chị kia trả lời:

- Vâng, quả có như vậy. Cứ mỗi lần anh gảy đàn, tôi lại nhớ đến nhà tôi hồi còn sống.

Anh này như mở cò trong bụng, liền hỏi:

- Thế ngày xưa anh ấy cũng là tay đàn bầu khá lắm nhỉ?

Chị kia lắc đầu:

- Không, nhà tôi ngày xưa chỉ biết nghề bật bông thôi. Mỗi lần anh đánh đàn, tôi lại nhớ đến tiếng bật bông của chồng tôi, nên tôi khóc! (Trương Chính - Phong Châu, 2004, tr.199)

Tiếp nhận câu chuyện trên, ta thấy rằng cả hai lượt trả lời của người đàn bà trẻ đều chứa ẩn ý. Chị đã cố tình nói vòng vo, lấp lửng, nước đôi, thiếu rõ ràng khiến anh này hiểu nhầm mà mừng thầm trong bụng. Thực ra hàm ý của chị đã được thể hiện ngay từ lượt thoại đầu tiên: “Cứ mỗi lần anh gảy đàn, tôi lại nhớ đến nhà tôi hồi còn sống”, nhưng anh chàng hàng xóm đã không giải đoán đúng hàm ý. Như một sự sắp đặt, dẫu nắm được ý đồ mà anh hàng xóm qua đây là để gạ gẫm, trêu ghẹo mình, thế nhưng chị vẫn giả vờ như không biết gì và cố ý nhắc đến người chồng quá cố để anh kia càng khoái chí. Cho đến lượt lời thứ hai, người nói đành phải nói rõ hàm ý của mình bằng lời lẽ hiển ngôn: “Mỗi lần anh đánh đàn, tôi lại nhớ đến tiếng bật bông của chồng tôi, nên tôi khóc”. Hóa ra, không phải khen mà là chê - một lời chê khéo léo và sâu sắc. Tiếng đàn bầu của anh đã giúp chị gợi nhớ đến tiếng bật bông của

chồng mình. Nhưng tiếng bật bông đâu phải là tiếng nhạc?! Vậy hàm ý của chị đến đây đã rõ. Cách diễn đạt của chị trong tình huống này rõ ràng đã vi phạm phương châm cách thức. Xét trong hoàn cảnh này, ta thấy các nhân vật giao tiếp là hàng xóm của nhau. Nếu như chị nói: “Anh đánh đàn quá dở, nghe giống như tiếng bật bông, thế mà cứ mãi đánh!” thì chắc chắn sẽ làm mất thể diện của người đối thoại. Vậy nên hoàn cảnh này bắt buộc chị phải sử dụng hàm ý. Qua câu chuyện trên, người viết nghĩ rằng, bên cạnh việc chế giễu “tài năng” đánh đàn của anh chàng trong truyện cũng như sự ngợi khen về tài ứng xử khôn khéo của bà góa phụ, câu chuyện còn ngụ ý chỉ trích, phê phán một số người trong xã hội, không biết tự nhìn nhận năng lực của bản thân mình, làm phiền đến người khác mà cứ làm tưởng ta đang giúp họ, làm tưởng đến ngớ ngẩn giống như “người đánh đàn bầu” kia.

Trong truyện cười nói chung, đa số các câu chuyện được xây dựng dựa trên sự hiểu nhầm. Nghĩa là người này nói thế này, người kia hiểu là thế khác với ý nghĩa hoàn toàn bất ngờ để từ đó bật ra tiếng cười châm biếm: “Châm biếm cũng gây ra tiếng cười. Nguyên tắc cơ bản của phép châm biếm là: phải nói điều A sao cho người nghe không tin là A, mà nghĩ tới cái đích mà người nói định châm biếm là B. Một trong các công cụ ngôn ngữ tốt nhất để thực hiện điều này là cố gắng tạo ra những câu hoặc tình huống mơ hồ với hai nghĩa.” (Nguyễn Đức Dân, 2003, tr.194). Mặc dù trong hội thoại, cách nói như thế này sẽ vi phạm phương châm cách thức nhưng trong văn học dân gian, nhất là trong truyện cười thì hiện tượng mơ hồ về nghĩa của câu sẽ là một nghệ thuật gây cười.

Ví dụ (2): **Quan sắp đánh bố**

Một anh lính lệ tính cương trực, thấy quan huyện làm nhiều việc trái mắt, thường hay chế nhạo. Quan vẫn định bụng trị. Một hôm, có người đến vụ cho anh ta ăn tiền ngoài chợ, quan mừng thầm có dịp báo thù, liền cho lính đi bắt về.

Anh lính lệ về, dắt cả thằng con đi theo.
Quan vừa trông thấy, đập bàn thét:

- Đánh! Đánh! Đánh chừa cái tật ăn hối lộ đi!

Anh lính ngoảnh lại thùng thỉnh bảo con:

- Con đứng lui ra. Quan sắp đánh bố đấy! (Trương Chính - Phong Châu, 2004, tr.78)

Dắt theo đứa con, chắc hẳn anh lính này đã có dự định sẽ làm một việc gì đó. Quả thật, anh đã mượn đứa bé làm đối tượng giao tiếp để thực hiện một hành vi ngôn ngữ. Tuy nhiên đối tượng mà anh muốn hướng đến lại không phải là đứa con của mình mà chính là tên quan kia. Vậy nên, anh đã cố tình sử dụng câu nói có ý nghĩa không rõ ràng “*Quan sắp đánh bố đấy*” để thực hiện hàm ý. Thực ra, quan sắp đánh bố quan hay quan sắp đánh bố đứa trẻ? Trong trường hợp này, việc dùng câu nói mơ hồ vừa có mục đích chế nhạo ông quan huyện - một “phụ mẫu chi dân” mà bụng dạ nhỏ nhen, vừa giúp anh không phải gánh chịu trách nhiệm trước lời nói của mình.

Như đã nói, phương châm về cách thức đòi hỏi người tham gia hội thoại trình bày vấn đề một cách ngắn gọn, tránh những cách nói dài dòng, thừa thông tin không cần thiết. Vì việc sử dụng câu nói rút gọn giúp cho hoạt động giao tiếp diễn ra đơn giản, tiết kiệm thời gian mà vẫn đạt được hiệu quả giao tiếp. Cần biết dừng lại khi cần, đừng nói dông dài “*con cà, con kê*” ắt sẽ làm cho người nghe nhàm chán, mất hứng thú. Tuy nhiên, trong thực tế, không phải lúc nào nói ngắn gọn cũng tốt. Nếu quá lạm dụng những câu nói ngắn sẽ làm cho người tiếp nhận hiểu mơ hồ, tối nghĩa. Thế nhưng trong truyện cười, việc sử dụng những câu nói rút gọn lại là một thủ pháp tạo nên tiếng cười thích thú, sáng khoái.

Ví dụ (3): **Bấm chó cả**

Nhà nọ thấy quan lại tham nhũng, trong lòng rất khinh. Một hôm, các quan đến nhà chơi, trong số đó có cả mấy bạn đồng song thuở trước. Ông ta bảo người nhà dọn

rượu thết.

Người nhà bưng mâm lên, ông ta đứng dậy thưa:

- Chả mấy khi rông đến nhà tôm, các ngài có bụng yêu nhà nho thanh bạch đến chơi, có chén rượu nhạt xin các ngài chiêu cố cho.

Các quan cầm đũa, gắp mấy món. Các quan ăn thấy ngon miệng, liền khề khà hỏi: đây đĩa gì, kia bát gì,...

Nhà nho thông thả nói:

- Đây là chó, kia cũng là chó, bấm toàn chó cả. (Trương Chính - Phong Châu, 2004, tr.56)

Xuất phát từ ý nghĩ muốn phê phán thói tham nhũng của quan, nhân vật chủ nhà trong truyện trên đã nói một cách ngắn gọn, cố ý lược bỏ một số từ quan trọng trong câu để câu nói trở thành lưỡng nghĩa. Nếu nói thật đầy đủ để trả lời các câu hỏi của quan thì câu nói sẽ là: “*Đây là món làm từ thịt chó, kia cũng thế, tất cả đều là món thịt chó*”. Tuy nhiên, nếu chỉ nói đơn thuần như thế thì hàm ý sẽ không được thể hiện. Phải bỏ bớt những từ ấy, cố gắng rút gọn để có thể ám chỉ, thể hiện sự căm ghét của mình trước bọn quan lại tham ô kia. Đây là một lời chửi rất khéo, rất khôn ngoan của người nói mà người đối thoại sẽ không có cơ sở để bắt bẻ và buộc tội anh được.

Trong hội thoại, những cách nói dài dòng, không rõ ràng, rành mạch hay những câu nói mập mờ, mơ hồ khó hiểu hoặc cả những câu ngắn gọn đến mức khiến người khác không thể hiểu được nội dung cần thể hiện như những truyện cười kể trên đều là biểu hiện của sự vi phạm phương châm cách thức. Nhưng nếu một khi người nói chủ động hoặc cố ý vi phạm thì nó sẽ nhằm phục vụ cho mục đích nào đó trong giao tiếp, trở thành thủ pháp tạo tiếng cười đầy ẩn ý. Giống như câu “*Người khôn ăn nói nửa chừng/Để cho người dại nửa mừng nửa lo*” mà ông bà ta từng nói.

4. Kết luận

Nghiên cứu hàm ý, đặc biệt là nghiên

cứu hàm ý trong một thể loại văn học cụ thể như truyện cười là một đề tài có tính chất mở và mang đến nhiều sự chiêm nghiệm khá lí thú. Bài viết này mang đến một góc nhìn mới cho việc phân tích truyện cười, lí giải ý nghĩa truyện cười từ việc vi phạm các quy tắc hội thoại để tạo ra hàm ý. Thông qua các cơ chế hình thành hàm ý dựa trên phương thức vi phạm các quy tắc hội thoại như phương châm về chất, phương châm về lượng, phương châm quan hệ và phương châm cách thức, chúng ta còn có thể thấy được tầm quan trọng của các

quy tắc hội thoại trong thực tế giao tiếp, nhất là khi tiếng Việt ngày càng phát triển, vốn từ vựng ngày càng phong phú. Nhìn một cách tổng quan, nếu trong một hoạt động giao tiếp, việc tuân thủ các quy tắc về ngữ dụng nói chung, về hội thoại nói riêng có tác dụng khá quan trọng, tạo nên hiệu quả giao tiếp nhất định thì trong truyện cười, việc không tuân thủ các quy tắc ấy lại được thực hiện một cách có chủ đích nhằm phục vụ cho việc tạo nên lớp ý nghĩa hàm ẩn, tạo nên tiếng cười đầy ý nghĩa cho tác phẩm văn học dân gian.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đỗ Hữu Châu. (2001). *Đại cương Ngôn ngữ học, tập 2 Ngữ dụng học*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Nguyễn Đức Dân. (2003). *Nỗi oan thì, là, mà*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.
- Nguyễn Thiện Giáp. (2004). *Dụng học Việt ngữ*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia.
- Nguyễn Hoàng Yến. (2007). *Một cách khai thác hàm ý trong truyện cười dân gian Việt Nam. Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*. Số 3 (125)-2006. Tr.5-7.
- Trương Chính - Phong Châu. (2004). *Tiếng cười dân gian Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Hoàng Yến. (2006 ngày 19 tháng 7). *Hàm ý hội thoại trong các truyện cười dân gian: Khoe của và Hai kiểu áo*. <https://vusta.vn/ham-y-hoi-thoai-trong-cac-truyen-cuoi-dan-gian-khoe-cua-va-hai-kieu-ao-p81521.html>